

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 21/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu và khu nước, vùng nước khác (sau đây gọi là luồng hàng hải, khu nước, vùng nước) trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 2. Lập danh mục dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm

1. Nhà nước khuyến khích các nhà đầu tư tham gia thực hiện hoạt động nạo vét tất cả các tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và của nhà đầu tư.

2. Tháng 01 hàng năm, căn cứ kế hoạch, nhu cầu phát triển, khai thác cảng biển, lưu lượng tàu thuyền và hàng hóa thông qua cảng biển, dự kiến mức độ sa bồi và kinh phí thực hiện, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt.

3. Danh mục các dự án phải có những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên dự án (tên tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển);

b) Mục tiêu của dự án;

c) Địa điểm thực hiện dự án;

d) Tóm tắt các thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế chủ yếu của công trình, khối lượng nạo vét dự kiến, thời gian thực hiện.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đi qua, thẩm định và phê duyệt danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Danh mục dự án đã được phê duyệt có thể được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp có sự thay đổi về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương, kế hoạch nạo vét bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm hoặc vì lý do hợp lý khác có sự thay đổi trong danh mục dự án đã công bố.

Điều 3. Công bố danh mục dự án

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố danh mục dự án đã phê duyệt trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

2. Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư lựa chọn và đăng ký thực hiện dự án là 15 ngày, kể từ ngày danh mục dự án được công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi danh mục dự án được sửa đổi, bổ sung hoặc có sự thay đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện đăng tải lại trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

Điều 4. Đăng ký thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư có thể đề nghị thực hiện dự án trong danh mục dự án đã công bố hoặc dự án chưa có trong danh mục đã công bố.

2. Thủ tục đăng ký thực hiện dự án:

a) Nhà đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo Mẫu số 1 Phụ lục của Thông tư này;
- Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các hợp đồng hợp tác, liên doanh, liên kết có liên quan, nếu có);
- Hồ sơ năng lực tài chính của nhà đầu tư: báo cáo tài chính do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm, trừ trường hợp doanh nghiệp thành lập mới để thực hiện dự án; giấy tờ chứng minh nguồn vốn của doanh nghiệp hoặc văn bản cam kết tài chính thực hiện dự án;
- Quyết định hoặc hợp đồng thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có).

b) Trình tự nhận và xử lý hồ sơ:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp);

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp theo quy định tại điểm a khoản này, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Đối với dự án đã có trong danh mục dự án đã công bố: Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời dự án đã có bao nhiêu nhà đầu tư hoặc chưa có nhà đầu tư đăng ký thực hiện và gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến nhà đầu tư; đồng thời, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

- Đối với dự án chưa có trong danh mục dự án đã công bố:

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương bổ sung vào danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần phải điều chỉnh);

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đi qua;

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc hết hạn nhưng không nhận được

văn bản tham gia ý kiến, Bộ Giao thông vận tải tiến hành thẩm định, quyết định bổ sung vào danh mục dự án khuyến khích thực hiện xã hội hóa nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần phải điều chỉnh), trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời và gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến nhà đầu tư.

3. Trường hợp nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đến Bộ Giao thông vận tải, chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Cục Hàng hải Việt Nam xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chấp thuận của Cục Hàng hải Việt Nam, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt đề xuất thực hiện dự án.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề xuất dự án bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt đề xuất dự án theo Mẫu số 2 Phụ lục của Thông tư này;

b) Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (nếu có thay đổi, bổ sung so với khi nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án quy định tại Điều 4 của Thông tư này);

c) Hồ sơ năng lực tài chính của nhà đầu tư: bổ sung văn bản bảo lãnh tài chính theo quy định (nếu nguồn vốn doanh nghiệp không đủ thực hiện dự án);

d) Báo cáo thuyết minh đề xuất thực hiện dự án với những nội dung chính sau đây:

- Phân tích sự cần thiết và những lợi thế trong việc thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm so với các hình thức đầu tư khác; các điều kiện thuận lợi và khó khăn; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

- Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố (nếu có) hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công; dự kiến khối lượng đăng ký tận thu, phương án và vị trí đổ thải đối với sản phẩm nạo vét không tận thu;

- Phân tích, đề xuất dự kiến biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch thi công;

- Dự kiến việc lập và trình phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Xác định sơ bộ tổng vốn đầu tư của dự án và thời gian, tiến độ thực hiện dự án;

- Dự kiến các điều kiện kiểm tra, kiểm soát chất lượng, giám sát, nghiệm thu, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;

- Đề xuất biện pháp ưu đãi, hỗ trợ chuyên môn cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án (nếu cần thiết) liên quan đến bảo đảm an toàn hàng hải, bố trí báo hiệu hàng hải, điều tiết giao thông, kiểm tra, giám sát, thông báo hàng hải;

- Bản vẽ thiết kế: Bản vẽ tổng mặt bằng (tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét, bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét.

đ) Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết về bố trí nhân lực, thiết bị, bảo đảm tiến độ và chất lượng dự án; dự kiến chính sách bảo hiểm về nhân sự và thiết bị khi tham gia thực hiện dự án;

e) Văn bản thẩm tra đề xuất thực hiện dự án của đơn vị tư vấn đủ năng lực theo quy định;

g) Hồ sơ năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có thay đổi, bổ sung so với khi nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án quy định tại Điều 4 Thông tư này);

h) Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình đề xuất thực hiện dự án.

3. Trình tự nhận và xử lý hồ sơ:

a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, đánh giá hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và năng lực của nhà đầu tư:

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định hồ sơ, đánh giá nhà đầu tư để xem xét, chấp thuận.

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đề xuất thực hiện một dự án. Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá nhà đầu tư dựa trên các yếu tố năng lực pháp lý, năng lực tài chính, năng lực trang thiết bị, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự và đề xuất cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận.

4. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Cục Hàng hải Việt Nam trình quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ Giao thông vận tải thẩm định và ra văn bản chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.